



Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam

Báo cáo tài chính giữa niên độ
cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026



**CÔNG TY CP BIA
SÀI GÒN-SÔNG LAM**

Digitally signed by CONG TY CP
BIA SÀI GÒN-SÔNG LAM
DN: cn=CÔNG TY CP BIA SÀI
GÒN-SÔNG LAM, c=VN
Date: 2026.08.14 14:48:26 +07'00'

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam
Thông tin về Công ty

Giấy Chứng nhận Đầu tư số 271110000018

ngày 7 tháng 12 năm 2007

Giấy chứng nhận đầu tư do Ủy ban Nhân Dân Tỉnh Nghệ An cấp và có giá trị trong 50 năm kể từ ngày cấp giấy chứng nhận đầu tư đầu tiên.

Giấy Chứng nhận

2703001077

ngày 20 tháng 12 năm 2006

Đăng ký Doanh nghiệp số

2900783332

ngày 5 tháng 9 năm 2023

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, lần điều chỉnh gần đây nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 2900783332 ngày 20 tháng 10 năm 2025. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đầu tiên và các bản điều chỉnh do Sở Tài chính tỉnh Nghệ An cấp.

Hội đồng Quản trị

Ông Tan Teck Chuan Lester

Chủ tịch

Ông Văn Thanh Liêm

Thành viên

Ông Cao Thanh Bích

Thành viên

Ông Nguyễn Hồng Anh

Thành viên

Ông Võ Phước Giàu

Thành viên

Ban Kiểm soát

Bà Hoàng Thanh Vân

Trưởng ban

Bà Nguyễn Thanh Thủy

Thành viên

Bà Lưu Thanh Thảo

Thành viên

Ban Điều hành

Ông Nguyễn Hồng Anh

Giám đốc

Ông Nguyễn Anh Tuấn

Phó Giám đốc

Ông Văn Bá Thi

Kế toán trưởng

Trụ sở đăng ký

Xóm Hưng Đạo 8, Xã Hưng Nguyên

Tỉnh Nghệ An

Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam
Báo cáo của Ban Điều hành

Ban Điều hành Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm của Công ty cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026.

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Theo ý kiến của Ban Điều hành Công ty:

- (a) báo cáo tài chính giữa niên độ được trình bày từ trang 5 đến trang 37 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Điều hành Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Điều hành Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm.



Thay mặt Ban Điều hành

Nguyễn Hồng Anh
Giám đốc

Tỉnh Nghệ An, ngày 12 tháng 8 năm 2026



Chi nhánh Công ty TNHH KPMG
Số 115 Đường Nguyễn Huệ, Phường Sài Gòn,
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi các Cổ đông
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm của Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam ("Công ty"), bao gồm báo cáo tình hình tài chính tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Điều hành Công ty phê duyệt phát hành ngày 12 tháng 8 năm 2026, được trình bày từ trang 5 đến trang 37.

Trách nhiệm của Ban Điều hành

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Điều hành xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ này dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về Hợp đồng Dịch vụ Soát xét số 2410 – *Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện*.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.



Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm đã không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Báo cáo soát xét số 26-01-000410-26-1



Triệu Tích Quyền

Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề

Kiểm toán số 4629-2023-007-1

Phó Tổng Giám đốc

Nelson Rodriguez Casihan

Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề

Kiểm toán số 2225-2023-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 8 năm 2026



Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam
Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 30 tháng 6 năm 2026

Mẫu B 01a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2026 VND	1/1/2026 VND (Phân loại lại)
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 160)	100		556.664.899.720	526.596.794.004
Tiền và các khoản tương đương tiền	110		51.992.893.195	42.294.730.920
Tiền	111	9(a)	51.992.893.195	42.294.730.920
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		361.356.843.820	319.035.203.486
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	10	361.356.843.820	319.035.203.486
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		87.084.045.147	86.367.704.629
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	11	85.115.179.986	82.448.633.790
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		531.332.509	2.955.250.245
Phải thu ngắn hạn khác	135	12	1.437.532.652	963.820.594
Hàng tồn kho	140	13(a)	55.859.992.760	78.685.773.205
Hàng tồn kho	141		56.271.401.949	79.004.395.773
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	142		(411.409.189)	(318.622.568)
Tài sản ngắn hạn khác	160		371.124.798	213.381.764
Chi phí chờ phân bổ ngắn hạn	161		371.124.798	213.381.764
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 250 + 270)	200		149.275.773.550	142.607.031.370
Các khoản phải thu dài hạn	210		30.000.000	30.000.000
Phải thu dài hạn khác	215		30.000.000	30.000.000
Tài sản cố định	220		136.673.443.645	129.286.586.318
Tài sản cố định hữu hình	221	14	136.159.713.156	128.709.413.533
Nguyên giá	222		1.320.666.877.172	1.304.977.937.172
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.184.507.164.016)	(1.176.268.523.639)
Tài sản cố định vô hình	227	15	513.730.489	577.172.785
Nguyên giá	228		940.522.924	940.522.924
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(426.792.435)	(363.350.139)
Tài sản dở dang dài hạn	250		241.039.091	241.039.091
Xây dựng cơ bản dở dang	252		241.039.091	241.039.091
Tài sản dài hạn khác	270		12.331.290.814	13.049.405.961
Chi phí chờ phân bổ dài hạn	271	16	3.353.507.629	4.549.312.585
Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	272		2.300.606.414	2.422.488.253
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	273	13(b)	6.677.176.771	6.077.605.123
TỔNG TÀI SẢN (280 = 100 + 200)	280		705.940.673.270	669.203.825.374

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Bía Sài Gòn - Sông Lam
Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2026 VND	1/1/2026 VND (Phân loại lại)
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		173.549.864.490	155.583.284.811
Nợ ngắn hạn	310		173.378.214.120	155.411.634.441
Phải trả người bán ngắn hạn	311	17	19.755.230.600	26.588.561.839
Phải trả cổ tức	313	18	26.513.766.900	3.499.500.000
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	19	116.107.802.203	111.957.556.382
Phải trả người lao động	315		1.121.464.521	2.332.491.840
Chi phí phải trả ngắn hạn	316	20	5.437.206.576	5.481.714.420
Phải trả ngắn hạn khác	320	21	962.348.779	563.871.940
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	323	22	3.480.394.541	4.987.938.020
Nợ dài hạn	330		171.650.370	171.650.370
Dự phòng phải trả dài hạn	343		171.650.370	171.650.370
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	23	532.390.808.780	513.620.540.563
Vốn cổ phần	411	24	450.000.000.000	450.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		450.000.000.000	450.000.000.000
Quỹ đầu tư phát triển	418	26	6.516.196.015	6.516.196.015
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		75.874.612.765	57.104.344.548
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	420a		25.875.211.321	19.725.267.328
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này/năm trước	420b		49.999.401.444	37.379.077.220
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		705.940.673.270	669.203.825.374

Ngày 12 tháng 8 năm 2026

Người lập:


Trần Thị Nguyệt
Kế toán tổng hợp

Người kiểm tra:


Văn Bá Thi
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Nguyễn Hồng Anh
Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Bía Sài Gòn - Sông Lam
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2026

Mẫu B 02a – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
 ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2026 VND	30/6/2025 VND
Doanh thu bán hàng	01	28	469.223.427.335	407.482.686.506
Giá vốn hàng bán	11	29	405.331.318.018	399.375.517.684
Lợi nhuận gộp (20 = 01 - 11)	20		63.892.109.317	8.107.168.822
Doanh thu hoạt động tài chính	22	30	9.737.924.050	6.581.689.738
Chi phí tài chính	23		-	4.936.438
Chi phí bán hàng	25		1.185.520	281.732.556
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	31	7.710.403.478	7.115.084.114
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + 22 - 23 - (25 + 26)}	30		65.918.444.369	7.287.105.452
Thu nhập khác	31		858.208.752	813.541
Chi phí khác	32		788.063.114	4.655.165
Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		70.145.638	(3.841.624)
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		65.988.590.007	7.283.263.828
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	33	13.075.836.163	1.371.688.965
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	33	121.881.839	84.963.801
Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		52.790.872.005	5.826.611.062
Lãi trên cổ phiếu				(Điều chỉnh lại)
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	34	1.117	83

Ngày 12 tháng 8 năm 2026

Người lập:


 Trần Thị Nguyệt
 Kế toán tổng hợp

Người kiểm tra:


 Văn Bá Thi
 Kế toán trưởng

Người duyệt:


 Nguyễn Hồng Anh
 Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Bía Sài Gòn - Sông Lam
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2026 VND	30/6/2025 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận kế toán trước thuế	01		65.988.590.007	7.283.263.828
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao và phân bổ	02		8.302.082.673	38.846.622.472
Các khoản dự phòng	03		117.783.940	(425.168.632)
Lãi từ hoạt động đầu tư, tài chính	05		(9.737.924.050)	(6.581.689.738)
Chi phí đi vay	06		-	4.936.438
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		64.670.532.570	39.127.964.368
Biến động các khoản phải thu	09		(3.264.507.278)	(6.223.074.879)
Biến động hàng tồn kho	10		22.108.424.857	32.230.882.986
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		(6.261.565.278)	46.998.415.380
Biến động chi phí chờ phân bổ	12		1.038.061.922	1.143.753.489
			78.290.946.793	113.277.941.344
Chi phí đi vay đã trả	14		-	(4.936.438)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(12.199.214.139)	(4.423.979.453)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(3.792.861.455)	(3.961.619.224)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		62.298.871.199	104.887.406.229
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(11.531.259.540)	(7.605.625.902)
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		(195.000.000.000)	(156.000.000.000)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của các đơn vị khác	24		151.080.094.989	109.500.000.000
Tiền thu lãi tiền gửi và cổ tức	27		11.336.188.727	3.328.456.863
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(44.114.975.824)	(50.777.169.039)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2026 VND	30/6/2025 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền thu từ đi vay ngắn hạn	33		-	15.400.000.000
Tiền chi trả nợ gốc vay	34		-	(15.400.000.000)
Tiền chi trả cổ tức	36		(8.485.733.100)	(117.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(8.485.733.100)	(117.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50		9.698.162.275	53.993.237.190
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60		42.294.730.920	50.433.344.833
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60)	70	9	51.992.893.195	104.426.582.023

Ngày 12 tháng 8 năm 2026

Người lập:


Trần Thị Nguyệt
Kế toán tổng hợp

Người kiểm tra:


Văn Bá Thi
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Nguyễn Hồng Anh
Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

Vào ngày 16 tháng 6 năm 2017, cổ phiếu của Công ty chính thức được giao dịch trên thị trường giao dịch cổ phiếu của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCOM) tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, theo Quyết định số 421/QĐ-SGDHN ngày 8 tháng 6 năm 2017 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã giao dịch là BSL.

(b) Hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất và kinh doanh các sản phẩm bia.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

(d) Cấu trúc Công ty

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, Công ty có 172 nhân viên (1/1/2026: 174 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính giữa niên độ

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính giữa niên độ, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

3. Áp dụng hướng dẫn mới về chế độ kế toán doanh nghiệp

Ngày 27 tháng 10 năm 2025, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 99/2025/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp (“Thông tư 99”). Thông tư 99 thay thế hướng dẫn trước đây về Chế độ kế toán doanh nghiệp theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27 tháng 10 năm 2025 (“Thông tư 200”) và các thông tư sửa đổi Thông tư 200. Thông tư 99 có hiệu lực từ ngày 1 tháng 1 năm 2026 và áp dụng cho các kỳ kế toán năm bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2026.

Công ty đã áp dụng các yêu cầu có liên quan của Thông tư 99 kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2026 trên cơ sở phi hồi tố, có phân loại lại một số chỉ tiêu tương ứng, trừ trường hợp Thông tư 99 có quy định cụ thể khác. Những thay đổi trọng yếu trong các chính sách kế toán của Công ty và ảnh hưởng đối với báo cáo tài chính giữa niên độ, nếu có, được trình bày trong các thuyết minh sau của báo cáo tài chính giữa niên độ.

- Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (Thuyết minh 4(c));
- Phải trả cổ tức (Thuyết minh 4(k)).

4. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ này.

Những chính sách kế toán được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ này nhất quán với các chính sách kế toán áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính năm gần nhất, ngoại trừ các chính sách được mô tả trong Thuyết minh 3.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND lần lượt theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

(b) Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

(c) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Điều hành của Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và bất kỳ khoản lãi phải thu liên quan nào. Các khoản đầu tư này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá trị phân bổ trừ đi dự phòng đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn.

Kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2026, lãi phải thu của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận và trình bày trong khoản mục đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn trên báo cáo tình hình tài chính. Trước ngày 1 tháng 1 năm 2026, khoản lãi phải thu này được ghi nhận và trình bày trong khoản mục phải thu khác (Thuyết minh 4(d)).

(d) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập đối với các khoản phải thu quá hạn hoặc được đánh giá là có khả năng không thu hồi được.

Dự phòng cho các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác quá hạn thanh toán được tính toán dựa trên phân tích tuổi nợ và mức trích lập dự phòng cụ thể như sau:

Tỷ lệ dự phòng

Quá hạn từ 6 tháng – 1 năm	30%
Quá hạn từ 1 – 2 năm	50%
Quá hạn từ 2 – 3 năm	70%
Quá hạn trên 3 năm	100%

Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác không quá hạn nhưng được đánh giá là không có khả năng thu hồi dựa trên các bằng chứng sẵn có tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán được trích lập dự phòng theo từng trường hợp cụ thể.

Như được trình bày tại Thuyết minh 4(c), trước ngày 1 tháng 1 năm 2026, lãi phải thu của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận và trình bày trong khoản phải thu khác.

(e) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính)

(f) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không được hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa, vật kiến trúc	10 – 25 năm
▪ máy móc và thiết bị	5 – 15 năm
▪ phương tiện vận chuyển	6 năm
▪ thiết bị văn phòng	3 – 5 năm
▪ tài sản khác	6 năm

(g) Tài sản cố định vô hình

(i) Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 3 năm.

(ii) Giấy phép môi trường

Giấy phép môi trường thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của giấy phép môi trường bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được giấy phép môi trường. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng trong vòng 7 năm.

(h) Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng và lắp đặt tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình chưa hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(i) Chi phí chờ phân bổ dài hạn

(i) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh thông thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 2 năm.

(ii) Chi phí sửa chữa, bảo dưỡng

Chi phí sửa chữa, bảo dưỡng được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Chi phí sửa chữa, bảo dưỡng được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 3 năm.

(j) Các khoản phải trả người bán, phải trả khác và chi phí phải trả

Các khoản phải trả người bán, phải trả khác và chi phí phải trả được thể hiện theo giá gốc.

Kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2026, phải trả cổ tức được ghi nhận và trình bày trong khoản mục phải trả cổ tức trên báo cáo tình hình tài chính (Thuyết minh 4(k)). Trước ngày này, phải trả cổ tức được ghi nhận và trình bày trong khoản mục khoản phải trả khác.

(k) Phải trả cổ tức

Các khoản phải trả cổ tức được ghi nhận vào ngày quyền nhận cổ tức của các cổ đông được thiết lập và nghĩa vụ của Công ty trở nên vô điều kiện.

Như được trình bày tại Thuyết minh 4(j), kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2026, phải trả cổ tức được ghi nhận và trình bày trong khoản mục phải trả cổ tức trên báo cáo tình hình tài chính.

(l) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

(m) Vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Chênh lệch giữa số tiền nhận được từ phát hành cổ phiếu so với mệnh giá được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(n) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp báo cáo tình hình tài chính cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính giữa niên độ và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để các chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(o) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu hàng bán được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

(ii) Thu nhập từ tiền lãi

Doanh thu từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng. Tuy nhiên, thu nhập từ tiền lãi không được ghi nhận đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn đã được trích lập dự phòng tổn thất do không có khả năng thu hồi.

Công ty Cổ phần Bía Sài Gòn - Sông Lam
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính)

(p) Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê, trong suốt thời hạn thuê.

(q) Chi phí sản xuất kinh doanh

Chi phí sản xuất kinh doanh được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trừ trường hợp các chi phí liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán, các khoản chi phí này phải được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở phân bổ theo hệ thống hoặc theo tỷ lệ.

(r) Lãi trên cổ phiếu

Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu (“EPS”) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty (sau khi đã trừ đi khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi cho kỳ kế toán năm) chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong kỳ.

Công ty không có các cổ phiếu có tác động suy giảm tiềm năng, quy định về trình bày lãi suy giảm trên cổ phiếu không áp dụng.

(s) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định s biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Công ty là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

(t) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là bên liên quan.

(u) Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính giữa niên độ này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của kỳ trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính giữa niên độ kỳ hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của kỳ hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh trong báo cáo tài chính giữa niên độ này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ trước.

5. Tính thời vụ của các hoạt động kinh doanh

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là sản xuất và kinh doanh các sản phẩm bia. Hoạt động kinh doanh khác là kinh doanh các sản phẩm liên quan đến quá trình sản xuất bia. Ban Điều hành cho rằng các lĩnh vực hoạt động này không chịu ảnh hưởng đáng kể bởi các biến động theo mùa.

6. Các thay đổi trong ước tính kế toán

Khi lập báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Điều hành đã thực hiện một số ước tính kế toán. Kết quả thực tế có thể khác với các ước tính kế toán này.

Không có sự thay đổi trọng yếu nào trong các ước tính kế toán so với các ước tính kế toán được thực hiện trong khi lập báo cáo tài chính năm gần nhất cũng như trong báo cáo tài chính giữa niên độ của cùng kỳ năm trước.

7. Các thay đổi trong cơ cấu của đơn vị

Không có sự thay đổi trọng yếu nào trong cơ cấu của Công ty kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm gần nhất có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026.

8. Báo cáo bộ phận

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là sản xuất và kinh doanh các sản phẩm bia. Hoạt động khác là kinh doanh các sản phẩm liên quan đến quá trình sản xuất bia. Trong kỳ, hoạt động khác chiếm tỷ trọng không đáng kể trong tổng doanh thu và kết quả hoạt động của Công ty. Theo đó, thông tin tài chính trình bày trên báo cáo tình hình tài chính tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 và ngày 1 tháng 1 năm 2026 và doanh thu, chi phí trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho các kỳ sáu tháng kết thúc 30 tháng 6 năm 2026 và ngày 30 tháng 6 năm 2025 chủ yếu liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty.

Về mặt địa lý, Công ty chỉ hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính)

9. Tiền

	30/6/2026 VND	1/1/2026 VND
Tiền mặt	245.679.607	470.439.007
Tiền gửi ngân hàng	51.747.213.588	41.824.291.913
	51.992.893.195	42.294.730.920

Chi tiết số dư các khoản tiền gửi không kỳ hạn của các ngân hàng lớn như sau:

	30/6/2026 VND	1/1/2026 VND
Tên ngân hàng		
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam	47.071.784.813	40.167.810.081
Ngân hàng khác	4.675.428.775	1.656.481.832
	51.747.213.588	41.824.291.913

10. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	30/6/2026 VND	1/1/2026 VND (Phân loại lại)
Tên ngân hàng		
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam	361.356.843.820	319.035.203.486

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng với thời gian đáo hạn trên 3 tháng kể từ ngày gửi và thời gian đáo hạn còn lại không quá mười hai tháng kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán. Các khoản tiền gửi có kỳ hạn được gửi bằng VND và hưởng lãi suất dao động từ 5,0% đến 8,0% một năm (1/1/2026: từ 4,7% đến 5,2% một năm).

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính)

11. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

(a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo các khách hàng lớn

	30/6/2026		1/1/2026	
	Giá trị ghi sổ VND	Dự phòng VND	Giá trị ghi sổ VND	Dự phòng VND
Tổng Công ty CP Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn	84.172.821.348	-	81.370.827.828	-
Các khách hàng khác	942.358.638	-	1.077.805.962	-
	85.115.179.986	-	82.448.633.790	-

(b) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan

	30/6/2026		1/1/2026	
	Giá trị ghi sổ VND	Dự phòng VND	Giá trị ghi sổ VND	Dự phòng VND
Công ty mẹ				
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn	84.172.821.348	-	81.370.827.828	-
Công ty liên quan				
Công ty TNHH MTV Thương mại Bia Sài Gòn	149.776.415	-	110.036.334	-

Khoản phải thu thương mại từ các bên liên quan không có đảm bảo, không hưởng lãi và có thể thu được khi yêu cầu.

12. Phải thu ngắn hạn khác

	30/6/2026 VND	1/1/2026 VND (Phân loại lại)
Tiền thu đền bù bảo hiểm	1.052.532.652	795.741.907
Ký quỹ	15.000.000	15.000.000
Khác	370.000.000	153.078.687
	1.437.532.652	963.820.594

13. Hàng tồn kho

(a) Hàng tồn kho

	30/6/2026		1/1/2026	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi trên đường	320.040.000	-	14.291.205.003	-
Nguyên vật liệu	33.981.787.256	-	29.287.099.149	-
Công cụ và dụng cụ	950.886.112	(411.409.189)	949.356.514	(318.622.568)
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	14.814.806.810	-	16.310.077.804	-
Thành phẩm	6.203.881.771	-	18.166.657.303	-
	56.271.401.949	(411.409.189)	79.004.395.773	(318.622.568)

Chi phí nguyên vật liệu và vật tư tiêu hao được phân bổ vào giá thành sản phẩm dựa trên các yếu tố phân bổ phù hợp với bản chất của doanh nghiệp (bao gồm, nhưng không giới hạn, sản lượng sản xuất, giờ công lao động trực tiếp, giờ máy móc vận hành, v.v.), đảm bảo tính minh bạch trong việc thể hiện giá thành sản phẩm và tính nhất quán giữa các kỳ báo cáo.

Trong kỳ, Công ty đã xác định một số hàng tồn kho luân chuyển chậm và quyết định trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho đối với các mặt hàng này theo quy định hiện hành và các chính sách nội bộ áp dụng của Công ty.

Biến động của dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong kỳ như sau:

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2026 VND	30/6/2025 VND
Số dư đầu kỳ	318.622.568	696.812.598
Dự phòng trích lập trong kỳ	119.953.451	-
Dự phòng hoàn nhập trong kỳ	(27.166.830)	(59.608.000)
Số dư cuối kỳ	411.409.189	637.204.598

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính)

(b) Thiết bị, vật tư và phụ tùng thay thế dài hạn

	30/6/2026		1/1/2026	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Thiết bị, vật tư và phụ tùng thay thế dài hạn	18.244.492.815	(11.567.316.044)	17.619.923.848	(11.542.318.725)

Biến động của dự phòng giảm giá thiết bị, vật tư và phụ tùng thay thế dài hạn trong kỳ như sau:

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2026	30/6/2025
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	11.542.318.725	10.862.500.468
Dự phòng trích lập trong kỳ	562.739.685	-
Dự phòng hoàn nhập trong kỳ	(537.742.366)	(365.211.002)
Số dư cuối kỳ	11.567.316.044	10.497.289.466

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sóng Lam

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính)

14. Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị văn phòng VND	Tài sản khác VND	Tổng VND
Số dư đầu kỳ	222.519.101.471	1.058.351.446.454	9.750.541.526	12.654.795.214	1.702.052.507	1.304.977.937.172
Tăng trong kỳ	-	13.972.490.000	-	1.716.450.000	-	15.688.940.000
Số dư cuối kỳ	222.519.101.471	1.072.323.936.454	9.750.541.526	14.371.245.214	1.702.052.507	1.320.666.877.172
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu kỳ	130.478.221.919	1.024.594.041.457	8.021.172.345	11.473.035.411	1.702.052.507	1.176.268.523.639
Khấu hao trong kỳ	5.061.499.463	2.771.003.628	174.999.996	231.137.290	-	8.238.640.377
Số dư cuối kỳ	135.539.721.382	1.027.365.045.085	8.196.172.341	11.704.172.701	1.702.052.507	1.184.507.164.016
Giá trị còn lại						
Số dư đầu kỳ	92.040.879.552	33.757.404.997	1.729.369.181	1.181.759.803	-	128.709.413.533
Số dư cuối kỳ	86.979.380.089	44.958.891.369	1.554.369.185	2.667.072.513	-	136.159.713.156

Bao gồm trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 có các tài sản có nguyên giá là 1.023.735 triệu VND (1/1/2026: 1.020.999 triệu VND) đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính)

Tài sản cố định hữu hình chủ yếu như sau (trình bày theo giá trị còn lại):

	30/6/2026 VND	1/1/2026 VND
Nhà xưởng - hệ thống chiết rót	19.511.487.933	20.561.454.789
Các tài sản khác	116.648.225.223	108.147.958.744
	136.159.713.156	128.709.413.533

15. Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm máy vi tính VND	Giấy phép môi trường VND	Tổng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu kỳ và cuối kỳ	492.629.405	447.893.519	940.522.924
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu kỳ	356.951.660	6.398.479	363.350.139
Khấu hao trong kỳ	31.449.900	31.992.396	63.442.296
Số dư cuối kỳ	388.401.560	38.390.875	426.792.435
Giá trị còn lại			
Số dư đầu kỳ	135.677.745	441.495.040	577.172.785
Số dư cuối kỳ	104.227.845	409.502.644	513.730.489

Bao gồm trong tài sản cố định vô hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 có các tài sản cố nguyên giá là 304 triệu VND (1/1/2026: 304 triệu VND) đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính)

16. Chi phí chờ phân bổ dài hạn

	Công cụ và dụng cụ VND	Chi phí sửa chữa, bảo dưỡng VND	Khác VND	Tổng VND
Số dư đầu kỳ	412.056.636	3.254.939.600	882.316.349	4.549.312.585
Tăng trong kỳ	252.188.000	-	506.784.258	758.972.258
Phân bổ trong kỳ	(189.624.356)	(1.183.053.450)	(582.099.408)	(1.954.777.214)
Số dư cuối kỳ	474.620.280	2.071.886.150	807.001.199	3.353.507.629

17. Phải trả người bán ngắn hạn

(a) Phải trả người bán chi tiết theo các nhà cung cấp lớn

	Giá gốc/Số có khả năng trả nợ 30/6/2026 VND	1/1/2026 VND
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải khát Sài Gòn	11.005.279.683	18.582.713.731
Công ty TNHH Thương mại và Vận tải Thái Tân	766.210.536	536.973.840
Công ty TNHH Thịnh Đức	-	332.899.980
Các nhà cung cấp khác	7.983.740.381	7.135.974.288
	19.755.230.600	26.588.561.839



Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính)

(b) Phải trả người bán là các bên liên quan

	Giá gốc/Số có khả năng trả nợ	
	30/6/2026	1/1/2026
	VND	VND
Công ty mẹ		
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải khát Sài Gòn	11.005.279.683	18.582.713.731
Các công ty liên quan		
Công ty TNHH Cơ khí Sa Be Co	1.435.291.700	-
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Quảng Ngãi	67.716.000	-
Công ty TNHH MTV Thương mại Bia Sài Gòn	-	738.312.156

Khoản phải trả thương mại cho các bên liên quan khác không có đảm bảo, không chịu lãi và phải trả trong vòng 30 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

18. Phải trả cổ tức

	Thời hạn trả	30/6/2026	1/1/2026
		VND	VND
			(Phân loại lại)
Cổ tức trả bằng tiền mặt	2026	23.118.666.900	-
Cổ tức trả bằng tiền mặt (*)	Trước năm 2026	3.395.100.000	3.499.500.000
		26.513.766.900	3.499.500.000

(*) Tại ngày báo cáo, các khoản cổ tức phải trả này là các khoản cổ tức của một số cổ đông không kiểm soát chưa thực hiện thủ tục nhận cổ tức.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính)*

19. Thuế phải nộp Nhà nước

	1/1/2026 VND	Số phải nộp VND	Số đã nộp VND	Số cần trừ VND	30/6/2026 VND
Thuế tiêu thụ đặc biệt	94.186.180.898	488.573.882.559	(487.195.557.080)	-	95.564.506.377
Thuế giá trị gia tăng	11.176.136.058	95.473.694.143	(65.693.948.013)	(28.224.857.849)	12.731.024.339
Thuế thu nhập doanh nghiệp	6.549.030.288	13.075.836.163	(12.199.214.139)	-	7.425.652.312
Thuế thu nhập cá nhân	46.209.138	767.683.128	(139.444.016)	(287.829.075)	386.619.175
Thuế khác	-	738.845.479	(738.845.479)	-	-
	111.957.556.382	598.629.941.472	(565.967.008.727)	(28.512.686.924)	116.107.802.203

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính)

20. Chi phí phải trả ngắn hạn

	30/6/2026 VND	1/1/2026 VND
Chi phí lãi vay	4.223.840.202	4.223.840.202
Chi phí phải trả khác	1.213.366.374	1.257.874.218
	5.437.206.576	5.481.714.420

21. Phải trả ngắn hạn khác

	30/6/2026 VND	1/1/2026 VND (Phân loại lại)
Ký quỹ đã nhận	35.000.000	35.000.000
Phải trả ngắn hạn khác	927.348.779	528.871.940
	962.348.779	563.871.940

22. Quỹ khen thưởng và phúc lợi

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp Đại Hội đồng Cổ đông Thường niên. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho các nhân viên của Công ty theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Công ty.

Biến động của quỹ khen thưởng và phúc lợi trong kỳ như sau:

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2026 VND	30/6/2025 VND
Số dư đầu kỳ	4.987.938.020	4.023.000.000
Trích lập trong kỳ (Thuyết minh 23)	2.527.500.000	2.317.591.014
Điều chỉnh quỹ khen thưởng và phúc lợi (Thuyết minh 23)	(242.182.024)	291.375.220
Sử dụng trong kỳ	(3.792.861.455)	(3.961.619.224)
	3.480.394.541	2.670.347.010
Số dư cuối kỳ		

Công ty Cổ phần Bía Sài Gòn - Sông Lam
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính)

23. Thay đổi vốn chủ sở hữu

Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2025	Vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng VND
Lợi nhuận thuần trong kỳ	450.000.000.000	6.516.196.015	51.718.461.039	508.234.657.054
Trích quỹ khen thưởng và phúc lợi (Thuyết minh 22)	-	-	5.826.611.062	5.826.611.062
Điều chỉnh quỹ khen thưởng và phúc lợi của năm 2024 (Thuyết minh 22)	-	-	(2.317.591.014)	(2.317.591.014)
Trích quỹ hoạt động xã hội	-	-	(291.375.220)	(291.375.220)
Điều chỉnh quỹ hoạt động xã hội của năm 2024	-	-	(119.977.911)	(119.977.911)
Cổ tức (Thuyết minh 25)	-	-	(201.818.491)	(201.818.491)
			(31.500.000.000)	(31.500.000.000)
Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2025	450.000.000.000	6.516.196.015	23.114.309.465	479.630.505.480
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	36.427.604.006	36.427.604.006
Trích quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	(2.317.591.010)	(2.317.591.010)
Trích quỹ hoạt động xã hội	-	-	(119.977.913)	(119.977.913)
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2026	450.000.000.000	6.516.196.015	57.104.344.548	513.620.540.563
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	52.790.872.005	52.790.872.005
Trích quỹ khen thưởng và phúc lợi (Thuyết minh 22)	-	-	(2.527.500.000)	(2.527.500.000)
Điều chỉnh quỹ khen thưởng và phúc lợi của năm 2025 (Thuyết minh 22)	-	-	242.182.024	242.182.024
Trích quỹ hoạt động xã hội	-	-	(263.970.561)	(263.970.561)
Điều chỉnh quỹ hoạt động xã hội của năm 2025	-	-	28.684.749	28.684.749
Cổ tức (Thuyết minh 25)	-	-	(31.500.000.000)	(31.500.000.000)
Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2026	450.000.000.000	6.516.196.015	75.874.612.765	532.390.808.780



Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính)

24. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	30/6/2026 và 1/1/2026	
	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt		
Cổ phiếu phổ thông	45.000.000	450.000.000.000
Vốn cổ phần đã phát hành		
Cổ phiếu phổ thông	45.000.000	450.000.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty.

25. Cổ tức

Đại Hội đồng Cổ đông Thường niên của Công ty vào ngày 17 tháng 4 năm 2026 đã quyết định chia cổ tức với số tiền là 31.500 triệu VND (tương đương 700 VND/cổ phiếu) từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2025 (giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025: 31.500 triệu VND (tương đương 700 VND/cổ phiếu) từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2024).

26. Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo nghị quyết của Đại Hội đồng Cổ đông. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính)

27. Các khoản mục ngoài Báo cáo tình hình tài chính

(a) Cam kết thuê

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	30/6/2026 VND	1/1/2026 VND
Trong vòng một năm	1.297.200.718	1.297.200.718
Từ hai đến năm năm	5.188.802.872	5.188.802.872
Sau năm năm	35.997.319.925	36.645.920.284
	42.483.323.515	43.131.923.874

Các tài sản thuê hoạt động bao gồm:

Thuê	Số lượng	Thời hạn thuê	30/6/2026 VND	1/1/2026 VND
Thuê đất	2	50 năm	42.483.323.515	43.131.923.874

(b) Cam kết chi tiêu vốn

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, Công ty có các cam kết vốn sau đã được phê duyệt nhưng chưa được phản ánh trong báo cáo tình hình tài chính:

	30/6/2026 VND	1/1/2026 VND
Đã duyệt nhưng chưa ký hợp đồng	5.244.706.700	20.943.070.000
Đã duyệt và đã ký hợp đồng	651.447.300	7.725.500.000
	5.896.154.000	28.668.570.000

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính)

28. Doanh thu bán hàng

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng đã bán, không bao gồm thuế giá trị gia tăng và thuế tiêu thụ đặc biệt.

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2026	30/6/2025
	VND	VND
Tổng doanh thu		
▪ Bán thành phẩm	463.638.118.281	402.614.142.115
▪ Bán phế liệu và doanh thu khác	5.585.309.054	4.868.544.391
	469.223.427.335	407.482.686.506

29. Giá vốn hàng bán

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2026	30/6/2025
	VND	VND
Bán thành phẩm	405.048.695.627	399.559.011.238
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	117.783.940	(425.168.632)
Giá vốn khác	164.838.451	241.675.078
	405.331.318.018	399.375.517.684

30. Doanh thu tài chính

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2026	30/6/2025
	VND	VND
Thu nhập lãi tiền gửi	9.737.924.050	6.581.689.738

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính)

31. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2026	30/6/2025
	VND	VND
Chi phí nhân viên	3.592.030.498	3.240.030.635
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.932.024.386	1.888.195.248
Chi phí khấu hao	223.523.490	257.660.780
Chi phí quản lý khác	1.962.825.104	1.729.197.451
	7.710.403.478	7.115.084.114

32. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2026	30/6/2025
	VND	VND
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	345.702.903.837	306.800.774.196
Chi phí dịch vụ mua ngoài	23.167.486.248	21.759.286.723
Chi phí nhân công và nhân viên	19.101.113.547	18.504.516.398
Chi phí khấu hao và phân bổ	8.302.082.673	38.846.622.472
Chi phí khác	3.311.274.185	2.319.853.631



Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính)

33. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2026	30/6/2025
	VND	VND
Chi phí thuế hiện hành		
Kỳ hiện hành	13.075.836.163	1.371.688.965
Chi phí thuế thu nhập hoãn lại		
Phát sinh và hoàn nhập chênh lệch tạm thời	121.881.839	84.963.801
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	13.197.718.002	1.456.652.766

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2026	30/6/2025
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	65.988.590.007	7.283.263.828
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	13.197.718.002	1.456.652.766
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	13.197.718.002	1.456.652.766

(c) Thuế suất áp dụng

Theo các điều khoản trong Luật thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính)

34. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính lãi cơ bản trên cổ phiếu cho giai đoạn sáu tháng kết thúc kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông sau khi trừ đi số trích vào quỹ khen thưởng và phúc lợi và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền, chi tiết như sau:

(i) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2026	30/6/2025
	VND	VND
Lợi nhuận thuần trong kỳ	52.790.872.005	5.826.611.062
Trích quỹ khen thưởng và phúc lợi (*)	(2.527.500.000)	(2.317.591.014)
Điều chỉnh quỹ khen thưởng và phúc lợi (**)	-	242.182.024
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông	50.263.372.005	3.751.202.072

(*) Số trích vào quỹ khen thưởng và phúc lợi cho giai đoạn sáu tháng kết thúc kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 được ước tính dựa vào số được phê duyệt bởi các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông thường niên.

(**) Việc trích lập quỹ khen thưởng và phúc lợi cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025 được trình bày lại trên cơ sở số trích lập thực tế đã được các cổ đông thông qua tại Đại hội đồng Cổ đông thường niên.

(ii) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền

Không có biến động số lượng cổ phiếu cho các giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 và ngày 30 tháng 6 năm 2025. Số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền dùng để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu cho cả hai năm báo cáo là 45.000.000 cổ phiếu.

(iii) Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	30/6/2026	30/6/2025	30/6/2025
	VND	VND	VND
		(Đã điều chỉnh lại)	(theo báo cáo trước đây)
		(*)	
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.117	83	78

(*) Khoản trình bày lại này phản ánh ảnh hưởng của việc điều chỉnh lại quỹ khen thưởng và phúc lợi như đã trình bày ở trên.

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính)

Ngoài các sổ dư với các bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính giữa niên độ, trong kỳ Công ty có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Sông Lam
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính)

	Giá trị giao dịch	
	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2026	30/6/2025
	VND	VND
Công ty Cổ phần Nước Giải Khát Chương Dương		
Mua hàng hóa	58.542.020	64.162.037
Công ty Cổ phần Rượu Bình Tây		
Mua hàng hóa	39.498.000	32.200.000
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Phú Thọ		
Mua nguyên vật liệu	24.800.000	-
Hội đồng quản trị		
<i>Thù lao</i>		
Ông Tan Teck Chuan Lester – Chủ tịch	65.000.000	65.000.000
Ông Văn Thanh Liêm – Thành viên	45.499.998	45.500.000
Ông Cao Thanh Bích – Thành viên	45.499.998	45.500.000
Ông Nguyễn Hồng Anh – Thành viên	45.499.998	45.500.000
Ông Võ Phước Giàu – Thành viên	45.499.998	45.500.000
Ban Kiểm soát		
<i>Thù lao</i>		
Bà Hoàng Thanh Vân – Trưởng ban	45.499.998	45.500.000
Bà Nguyễn Thanh Thủy – Thành viên	26.000.004	26.000.002
Bà Lưu Thanh Thảo – Thành viên	26.000.004	26.000.002
Ban Điều hành		
Lương, thưởng và các phúc lợi khác	1.546.809.690	1.211.604.814

36. Các giao dịch phi tiền tệ từ hoạt động đầu tư

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2026	30/6/2025
	VND	VND
Mua tài sản cố định nhưng chưa thanh toán	2.109.513.700	866.344.018

Công ty Cổ phần Bía Sài Gòn - Sông Lam
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính)

37. Thông tin so sánh

Trừ các trường hợp được thuyết minh khác, các thông tin so sánh khác tại ngày 1 tháng 1 năm 2026 được mang sang từ số liệu được trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025. Thông tin so sánh cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 được mang sang từ số liệu được trình bày trong báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025.

Như đã trình bày trong Thuyết minh 3, kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2026, Công ty áp dụng Thông tư 99. Do đó, một số thông tin so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2026 đã được phân loại lại cho phù hợp với các quy định của Thông tư 99 liên quan đến việc trình bày báo cáo tài chính. Bảng so sánh số liệu đã trình bày trong kỳ trước, trước và sau khi được phân loại lại, như sau:

Báo cáo tình hình tài chính

	Mã số	1/1/2026 VND (phân loại lại)	1/1/2026 VND (theo báo cáo trước đây)
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	319.035.203.486	312.593.753.425
Phải thu ngắn hạn khác	135	963.820.594	7.405.270.655
Phải trả cổ tức	313	3.499.500.000	-
Phải trả ngắn hạn khác	320	563.871.940	4.063.371.940

Ngày 12 tháng 8 năm 2026

Người lập:


Trần Thị Nguyệt
Kế toán tổng hợp

Người kiểm tra:


Văn Bá Thi
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Nguyễn Hồng Anh
Giám đốc